

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM
QUỐC GIA VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM
QUỐC GIA VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Tuyền	Chủ tịch	
Ông Trần Trọng Phúc	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Công Tử	Thành viên	
Ông Lê Song Lai	Thành viên	
Ông Trần Vĩnh Đức	Thành viên	
Ông Martin Zingg	Thành viên	(miễn nhiệm từ ngày 29/4/2010)
Ông Martyn Parker	Thành viên	(bỏ nhiệm từ ngày 29/4/2010)
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên	(bỏ nhiệm từ ngày 29/4/2010)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Công Tử	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thế Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất này đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho ban Tổng Giám đốc,


Phạm Công Tử
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2011

Số: 304 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), từ trang 4 đến trang 23. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201"). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2011

Kiểm toán. Tư vấn Thuế. Tư vấn Tài chính. Tư vấn Giải pháp.

Trần Duy Cường
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0797/KTV

Thành viên

Deloitte Touche Tohmatsu Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DNBH

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		2.512.498.116.003
I. Tiền	110	5	836.432.234.938
1. Tiền mặt tại quỹ	111		2.353.020.093
2. Tiền gửi ngân hàng	112		834.079.214.845
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	791.181.715.317
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		128.732.671.938
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		676.524.573.144
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(14.075.529.765)
III. Các khoản phải thu	130		884.621.130.260
1. Phải thu của khách hàng	131		892.587.467.722
- Phải thu hoạt động nhận Tài bảo hiểm			455.739.738.878
- Phải thu hoạt động nhượng Tài bảo hiểm			336.287.045.759
- Phải thu khác của khách hàng		7	100.560.683.085
2. Thuế GTGT được khấu trừ	133		124.355.754
3. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(8.090.693.216)
IV. Hàng tồn kho	140		32.539.955
1. Nguyên liệu, vật liệu	142		32.539.955
V. Tài sản lưu động khác	150		230.495.533
1. Tạm ứng	151		158.313.091
2. Chi phí trả trước	152		72.182.442
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		1.155.265.113.897
I. Tài sản cố định	210		31.728.332.446
1. Tài sản cố định hữu hình	211	8	31.728.332.446
- Nguyên giá	212		54.506.740.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(22.778.407.634)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220	9	1.099.512.591.295
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221		737.471.695.343
3. Góp vốn liên doanh	222		186.535.219.163
4. Đầu tư dài hạn khác	228		176.174.782.063
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	229		(669.105.274)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	4.887.755.847
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		19.136.434.309
1. Ký quỹ bảo hiểm	241		6.000.000.000
2. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		61.704.000
3. Chi phí trả trước dài hạn		11	13.074.730.309
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		3.667.763.229.900

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DNBH
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.512.953.139.541
I. Nợ ngắn hạn	310		920.169.742.390
1. Phải trả cho người bán	313		826.636.936.945
- Phải trả hoạt động nhận Tài bảo hiểm			319.081.752.078
- Phải trả hoạt động nhượng Tài bảo hiểm			476.553.587.206
- Các khoản phải trả người bán khác		12	31.001.597.661
2. Người mua trả tiền trước	314		4.077.065.931
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	13	36.118.970.695
4. Phải trả công nhân viên	316		6.896.121.315
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	318	14	41.252.419.745
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	422		5.188.227.759
II. Dự phòng nghiệp vụ		15	573.059.727.645
1. Dự phòng phí	331		191.583.232.390
2. Dự phòng bồi thường	333		272.753.481.232
3. Dự phòng dao động lớn	334		108.723.014.023
III. Nợ khác	330		19.723.669.506
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm			1.268.319.307
2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	343		2.544.388.951
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			267.113.077
4. Dự phòng thuế nhà thầu phải trả			15.643.848.171
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.154.810.090.359
I. Nguồn vốn, quỹ	410	16	2.119.540.913.282
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		672.184.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần			1.104.116.030.642
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		20.354.044.018
4. Quỹ đầu tư phát triển	414		14.618.670.958
5. Quỹ dự phòng tài chính	415		73.359.966.219
6. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		36.546.677.394
7. Lợi nhuận chưa phân phối	418		198.361.124.051
<i>Trong đó: Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ</i>			<i>8.433.141.804</i>
II. Lợi ích cổ đông thiểu số			35.269.177.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		3.667.763.229.900

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MÃU SỐ B 01-DNBH

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị 31/12/2010

1. Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ	USD	6.725.069,43
Đô la Úc	AUD	86.328,56
Yên Nhật	JPY	1.041.075,00
Đô la Singapore	SGD	728,93
Bảng Anh	GBP	14.899,82
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	1.881.460,14

2. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện có

VND 29.551.808.313



Phạm Công Tử
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2011

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Lưu Thị Việt Hoa".

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

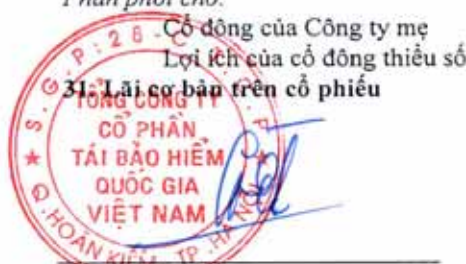
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU SỐ B 02-DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010
1. Thu phí nhận tái bảo hiểm	2		1.225.620.246.620
2. Các khoản giảm trừ	3		811.473.141.703
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	4		801.314.180.902
<i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	6		10.158.960.801
3. (Tăng) / Giảm dự phòng phí	8		(38.110.559.737)
4. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	9		142.400.105.313
5. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		37.530.642.511
6. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		555.967.293.004
7. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		507.166.828.056
8. Các khoản giảm trừ:	17		367.208.656.460
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	18		367.208.656.460
9. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		139.958.171.596
10. Tăng dự phòng bồi thường	23		65.696.717.542
11. Trích dự phòng dao động lớn trong năm	24		12.424.413.149
12. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		263.747.858.193
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		261.812.488.366
+ <i>Chi hoa hồng</i>	35		238.078.463.266
+ <i>Chi khác</i>	38		23.734.025.100
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhượng tái bảo hiểm	39		1.935.369.827
13. Trích lập dự phòng thuế nhà thầu			8.110.139.506
14. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		489.937.299.986
15. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		66.029.993.018
16. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		43.047.886.562
17. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		22.982.106.456
18. Doanh thu hoạt động tài chính	46	17	262.918.290.603
19. Chi hoạt động tài chính	47		22.659.182.603
20. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		240.259.108.000
21. Thu nhập hoạt động khác	52		14.703.507.268
22. Chi phí hoạt động khác	53		3.829.050.222
23. Lợi nhuận hoạt động khác	54		10.874.457.046
24. Tổng lợi nhuận kế toán	55		274.115.671.502
25. Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	56		(26.361.413.281)
<i>Trong đó: + Lợi nhuận không chịu thuế</i>		18	(27.789.456.851)
+ <i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>		18	1.428.043.570
26. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59	18	247.754.258.221
27. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	18	61.938.564.583
28. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		18	(23.826.848)
29. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết, liên doanh			22.740.524.710
30. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		234.893.804.781
<i>Phân phối cho:</i>			
Cổ đông của Công ty mẹ			233.434.620.911
Lợi ích của cổ đông thiểu số			1.459.183.870
31. Lợi cơ bản trên cổ phiếu		19	3.494



Phạm Công Tứ
Tổng Giám đốc

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MẪU SỐ B 03-DNBH
Đơn vị: VND

Mã số 2010

Chi tiêu

I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận nhượng tái bảo hiểm	01	440.961.594.058
2. Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	02	(254.680.510.071)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.185.602.860)
4. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(69.174.598.465)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	160.725.635.291
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(231.332.637.717)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	26.313.880.236

II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

1. Chi mua sắm tài sản cố định	21	(4.396.719.552)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	168.700.000
3. Thu hồi tiền cho vay	24	3.032.265.000
4. Chi đầu tư	25	(3.023.890.783.881)
5. Thu hồi các khoản đầu tư	26	3.106.891.387.230
6. Thu lãi đầu tư, cổ tức nhận được	27	244.264.771.755
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	326.069.620.552

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền chi trả cổ tức trong năm	34	(120.235.512.000)
2. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		33.919.000.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(86.316.512.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	266.066.988.788
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	562.802.365.721
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái	61	7.562.880.429
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	836.432.234.938



Phạm Công Tú
Tổng Giám đốc

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 và Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC2/KDBH ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 74 người (năm 2009: 75 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare và một công ty liên doanh là Công ty Liên doanh TNHH Bảo hiểm Samsung Vina. Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại công ty con tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại công ty con theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty con là 60%. Quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại công ty liên doanh tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại công ty liên doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty liên doanh là 50%.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty và Công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty, các công ty liên doanh, công ty liên kết và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Năm 2010 là năm đầu tiên Công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán đầu tiên từ ngày 01 tháng 10 năm 2009 (ngày chính thức đi vào hoạt động) đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và công ty con được lập kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Đối với công ty liên doanh, do năm 2010 là năm đầu tiên Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất nên chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần của công ty liên doanh và giá gốc của công ty này tại ngày 01/01/2010 được điều chỉnh vào chỉ tiêu "Lợi nhuận chưa phân phối" trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Phần lợi nhuận của Tổng Công ty trong kết quả kinh doanh năm 2010 của công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Khoản góp vốn vào Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được xem xét trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Do đặc thù của ngành kinh doanh Tài bảo hiểm, công nợ thường được thanh toán theo kỳ là quý hoặc nửa năm nên mặc dù trong số dư nợ phải thu đến cuối kỳ có một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán trên 06 tháng đến dưới 01 năm, Tổng Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản nợ phải thu này. Đối với các khoản phải thu từ 01 năm đến dưới 2 năm, Tổng Công ty đang áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 30% thấp hơn tỷ lệ theo quy định là 50%. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi như đã nêu trên là phù hợp với đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	4
Tài sản cố định khác	4 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Ngày 20 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 203/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định cho các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động tại Việt Nam, theo đó “Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo phương pháp dòng tiền chiết khấu (DCF) thì phần chênh lệch tăng của vốn nhà nước giữa giá trị thực tế và giá trị ghi trên sổ sách kế toán không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng thời gian không quá 10 năm. Thời điểm bắt đầu phân bổ vào chi phí là thời điểm doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)”. Thông tư số 203/2009/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đã được Tổng Công ty áp dụng để phân loại phần chênh lệch còn lại tại ngày 31/12/2009 của giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa (14.640.221.973 đồng) sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ đều vào chi phí trong vòng 5 năm kể từ năm 2010.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của chúng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản chứng khoán đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi Tổng Công ty chấp nhận các bảng thanh toán với các nhà nhượng tái cho Tổng Công ty. Đối với nghiệp vụ nhượng tái, cơ sở ghi nhận là bảng thanh toán do Tổng Công ty lập lên để chuyển đi cho các nhà nhận tái của Tổng Công ty và đã được các nhà nhận tái xác nhận. Việc ghi nhận này là theo quy định về chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu được ghi nhận khi có thông báo chia lãi của công ty nhận đầu tư.

Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi công trái, lãi trái phiếu ngân hàng, lãi trái phiếu Chính phủ, lãi cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng tỷ giá hạch toán trong năm 2010 là 17.900 VND/Đô la Mỹ (USD) (năm 2009: 16.800 VND/Đô la Mỹ (USD)). Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ trong năm ban đầu được quy đổi sang VND theo tỷ giá hạch toán và sau đó được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí trong kỳ có gốc USD tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước là 18.932 VND/USD. Đối với các loại ngoại tệ khác USD được quy đổi sang USD theo tỷ giá hạch toán sau đó sẽ được đánh giá theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước là 18.932 VND/USD. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ không liên quan đến hạch toán doanh thu, chi phí tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán được xử lý theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục nguồn vốn, quỹ trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, Công ty đã phản ánh lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư gốc ngoại tệ trong năm 2010 là 12.944.351.144 VND (năm 2009: 8.009.310.605 VND) trên khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong mục vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2010 thay vì hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh theo VAS10.

Dự phòng nghiệp vụ

Ngày 21/05/2008, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 5910/BTC-BH chấp thuận về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty. Theo đó, việc trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty trong năm 2010 được thực hiện như sau:

Dự phòng phí: Mức trích lập quỹ dự phòng phí đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá (đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không) được tính bằng 25% phí giữ lại và bằng 50% phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường:

- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm tài chính chưa được giải quyết, Tổng Công ty trích lập theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng bồi thường (Tiếp theo):

- Đối với dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR), tùy theo đặc điểm của từng loại hình nghiệp vụ bảo hiểm, Tổng Công ty sử dụng các phương pháp tính IBNR khác nhau:

Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa, thân tàu và phi hàng hải: IBNR được ước tính bằng cách lấy giá trị bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (đối với các tổn thất thuộc trách nhiệm có giá trị dưới 100.000 USD) của quý IV của năm tài chính trước nhân với tốc độ tăng trưởng phí giữ lại của các nghiệp vụ đó trong năm nay.

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng không: IBNR được xác định bằng cách ước tính giá trị các tổn thất có thể xảy ra nhưng chưa thông báo khi kết thúc năm tài chính.

Theo kinh nghiệm nhiều năm của Tổng Công ty, các loại nghiệp vụ bảo hiểm khác thường không phát sinh IBNR hoặc nếu phát sinh sẽ không trọng yếu nên Tổng Công ty quyết định không trích lập dự phòng IBNR đối với các loại nghiệp vụ bảo hiểm khác.

Việc trích lập dự phòng IBNR của Tổng Công ty có sự khác biệt so với cách tính IBNR được quy định trong Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27/3/2007. Nguyên nhân của sự khác biệt này là do Tổng Công ty không có đủ các số liệu thống kê của các nghiệp vụ bảo hiểm để có thể tính IBNR theo công thức được quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích lập IBNR như trên là phù hợp với đặc điểm và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và đã được sự chấp thuận của Bộ Tài chính tại Văn bản số 5910/BTC-BH ngày 21/5/2008.

Dự phòng dao động lớn: Được trích hàng năm theo phương pháp thống kê (tỷ lệ 3% trên mức phí giữ lại của tất cả các nghiệp vụ) cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27/3/2007.

Ngày 28 tháng 09 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - "Hợp đồng bảo hiểm" kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Hiện tại, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27/3/2007, các doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có thông tư hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Chuẩn mực kế toán trên nên việc Tổng Công ty vẫn trích lập dự phòng dao động lớn cho năm 2010 là thận trọng hơn các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19. Ảnh hưởng của Chuẩn mực này đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào các văn bản hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành sau này.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Tiền mặt tại quỹ	2.353.020.093
Tiền gửi ngân hàng	14.961.928.119
Các khoản tương đương tiền	819.117.286.726
	<u>836.432.234.938</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 1 năm	676.524.573.144
Trái phiếu ngắn hạn	93.858.296.575
Cổ phiếu (kinh doanh ngắn hạn)	34.874.375.363
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(14.075.529.765)
	<u>791.181.715.317</u>

7. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Dự thu lãi đầu tư, cho vay	91.656.153.471
Phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm	8.274.163.161
Các khoản phải thu khác	630.366.453
	<u>100.560.683.085</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2010	49.226.058.930	2.742.446.571	2.004.578.601	264.357.252	54.237.441.354
Tăng trong năm	-	-	269.298.726	-	269.298.726
Tại ngày 31/12/2010	<u>49.226.058.930</u>	<u>2.742.446.571</u>	<u>2.273.877.327</u>	<u>264.357.252</u>	<u>54.506.740.080</u>
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2010	17.204.385.115	1.303.869.347	1.247.456.344	264.357.252	20.020.068.058
Tăng trong năm	2.266.216.753	178.721.132	313.401.691	-	2.758.339.576
Tại ngày 31/12/2010	<u>19.470.601.868</u>	<u>1.482.590.479</u>	<u>1.560.858.035</u>	<u>264.357.252</u>	<u>22.778.407.634</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2010	<u>29.755.457.062</u>	<u>1.259.856.092</u>	<u>713.019.292</u>	<u>-</u>	<u>31.728.332.446</u>
Tại ngày 31/12/2009	<u>32.021.673.815</u>	<u>1.438.577.224</u>	<u>757.122.257</u>	<u>-</u>	<u>34.217.373.296</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, giá trị tài sản cố định hữu hình bao gồm cả những tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.554.429.264 đồng (năm 2009: 1.380.150.912 đồng).

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010
	VND
<i>Góp vốn liên doanh (a)</i>	<i>186.535.219.163</i>
<i>Đầu tư chứng khoán dài hạn</i>	<i>737.471.695.343</i>
Góp vốn cổ phần (b)	472.000.270.000
Trái phiếu Sở giao dịch Ngân hàng Phát triển Việt Nam	190.836.294.521
Trái phiếu khác	74.635.130.822
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>176.174.782.063</i>
Quỹ phúc lợi đem đi đầu tư	821.206.063
Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	30.000.000.000
Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam	30.000.000.000
Dự án Contrexim Complex	14.500.000.000
Dự án Paragon Tower	27.960.876.000
Dự án Tincorn Plaza (360 đường Giải Phóng)	60.149.250.000
Dự án số 142 phố Định Công	7.743.450.000
Dự án đầu tư Công ty Rau quả 1	5.000.000.000
<i>Dự phòng đầu tư dài hạn</i>	<i>(669.105.274)</i>
	<u>1.099.512.591.295</u>

(a) *Góp vốn liên doanh*

Tổng Công ty góp 50% vốn và được hưởng một phần lợi nhuận từ Công ty Liên doanh TNHH Bảo hiểm Samsung Vina.

Dưới đây là số liệu hợp nhất từ báo cáo tài chính của Công ty Liên doanh TNHH Bảo hiểm Samsung Vina được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty:

	31/12/2010
	VND
Tổng tài sản	637.795.419.808
Tổng công nợ	264.724.981.483
Tài sản thuần	<u>373.070.438.325</u>
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào liên doanh	<u>186.535.219.163</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

	Năm kết thúc 31/12/2010 VND
Doanh thu	367.427.968.070
Lợi nhuận thuần	45.481.049.420
Phần lợi nhuận thuần của Tổng Công ty trong liên doanh	22.740.524.710

(b) Góp vốn cổ phần

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2010 VND
Vốn góp cổ phần bao gồm:		
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO	8,76%	59.289.270.000
Vốn góp vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	7,06%	38.416.000.000
Vốn góp vào Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	6,00%	6.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	5,87%	17.600.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm Bảo Tín	10,00%	8.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm NH NN&PT NT	8,42%	32.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam	3,37%	2.695.000.000
Vốn góp vào Công ty Bảo hiểm HKI	10,00%	30.000.000.000
Vốn góp vào Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10,10%	278.000.000.000
		472.000.270.000

Tổng Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại ngày 31/12/2010 và tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị giảm giá so với giá mua của chúng.

Trong năm, Tổng Công ty đã nhận được thông báo chia lãi từ các Công ty này với số tiền như sau:

	2010 VND
Lãi đầu tư vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	2.540.160.000
Lãi đầu tư vào Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	480.000.000
Lãi đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Toàn cầu	1.321.600.000
Lãi đầu tư vào Ngân hàng TMCP Tiên Phong	10.000.000.000
Lãi đầu tư vào Công ty Bảo hiểm NH NN&PT NT	640.000.000
Lãi đầu tư vào Công ty Bảo hiểm HKI	1.650.000.000
	16.631.760.000

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2010 VND
Triển khai hệ thống phần mềm tái bảo hiểm	4.887.755.847
	4.887.755.847

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VND
Giá trị doanh nghiệp tăng thêm sau cổ phần hóa	11.712.177.578
Chi phí mua thẻ golf	1.362.552.731
	13.074.730.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Phải trả do chưa có xác nhận thanh toán	25.558.690.266
Tạm thu thuế nhà thầu 2% phí tái bảo hiểm ra nước ngoài	2.658.546.995
Cổ tức phải trả	1.316.230.000
Phải trả khác	1.468.130.400
	<u>31.001.597.661</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	968.523.904
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.822.950.487
Thuế thu nhập cá nhân	961.852.442
Thuế nhà thầu	365.643.862
	<u>36.118.970.695</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	<u>31/12/2010</u>
	VND
Kinh phí công đoàn	1.565.736.585
Bảo hiểm xã hội	501.849.601
Bảo hiểm y tế	10.875.101
Bảo hiểm thất nghiệp	4.694.388
Phải trả, phải nộp khác	39.169.264.070
- Công ty Cổ phần Nicotex Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản (góp vốn đầu tư vào Dự án Paragon Tower)	4.677.324.000
- Phạm Thanh Bình (góp vốn đầu tư vào Dự án Paragon Tower)	4.662.600.000
- Công ty TNHH Anh Cường (góp vốn đầu tư vào Dự án 360 đường Giải phóng)	23.584.062.645
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn cầu (góp vốn đầu tư vào Dự án 360 đường Giải phóng)	6.242.842.920
- Phải trả, phải nộp khác	2.434.505
	<u>41.252.419.745</u>

15. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	<u>31/12/2009</u>	<u>Trích bổ sung trong năm</u>	<u>Sử dụng trong năm</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng phí	153.472.672.653	38.110.559.737	-	191.583.232.390
Dự phòng bồi thường	207.056.763.690	65.696.717.542	-	272.753.481.232
Dự phòng dao động lớn	96.298.600.874	12.424.413.149	-	108.723.014.023
Cộng	<u>456.828.037.217</u>	<u>116.231.690.428</u>	-	<u>573.059.727.645</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

16. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Nguồn vốn kinh doanh	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	672.184.400.000	1.104.116.030.642	8.009.310.605	10.458.867.357	52.294.336.782	26.147.168.392	126.059.030.973	1.999.269.144.751
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	233.434.620.911	233.434.620.911
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	-	4.159.803.601	21.065.629.437	10.399.509.002	(40.139.335.833)	(4.514.393.793)
Chi cổ tức cho cổ đông (*)	-	-	-	-	-	-	(120.993.192.000)	(120.993.192.000)
Tăng khác	-	-	12.344.733.413	-	-	-	-	12.344.733.413
Tại ngày 31/12/2010	672.184.400.000	1.104.116.030.642	20.354.044.018	14.618.670.958	73.359.966.219	36.546.677.394	198.361.124.051	2.119.540.913.282

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam số 05/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2010, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã công bố chia cổ tức đợt II năm 2009 theo tỷ lệ 8% từ lợi nhuận chưa phân phối cho các cổ đông tương đương với số tiền là 53.774.752.000 đồng. Đồng thời, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã công bố tạm chi trả cổ tức đợt I năm 2010 theo tỷ lệ 10% từ lợi nhuận chưa phân phối cho các cổ đông tương đương với số tiền là 67.218.440.000 đồng và trích lập các quỹ với số tiền là 39.670.731.194 đồng. Quyết định cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2010 sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

16. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Nguồn vốn kinh doanh

Tại ngày 31/12/2010, tổng số vốn thực góp của các cổ đông là 672.184.400.000 đồng chi tiết như sau:

	Vốn góp	
	31/12/2010	Tỷ lệ
	VND	
Nguồn vốn kinh doanh	672.184.400.000	100%
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	271.313.000.000	40,36%
Tập đoàn tái bảo hiểm Swiss Re	168.046.100.000	25,00%
Các cổ đông khác	232.825.300.000	34,64%
Thặng dư vốn cổ phần	1.104.116.030.642	
	1.776.300.430.642	

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31/12/2010
	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia	17.018.801.600
Lãi Công trái, Trái phiếu	40.074.417.034
Lãi Repo Trái phiếu	17.264.233.477
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	179.290.965.485
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.022.212.552
Lãi cho vay cán bộ mua cổ phần	212.445.758
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.768.223.316
Lãi khác từ hoạt động đầu tư	6.266.991.381
	262.918.290.603

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP

	2010
	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	
Lợi nhuận trước thuế	274.115.671.502
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	27.789.456.851
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.428.043.570
Thu nhập chịu thuế	247.754.258.221
Thuế suất thông thường	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại	61.938.564.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(23.826.848)

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	31/12/2010
	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	234.893.804.781
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	234.893.804.781
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	67.218.440
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.494

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan:

	2010
	VND
<u>Swiss Re</u>	
Phí nhượng tái bảo hiểm	63.705.994.449
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	13.219.432.272
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	51.034.334.755
<u>Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam</u>	
Phí nhượng tái bảo hiểm	49.941.641.916
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	7.208.590.366
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18.307.355.743
Phí nhận tái bảo hiểm	212.064.036.968
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	40.525.895.171
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	79.542.736.683
<u>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</u>	
Phí nhượng tái bảo hiểm	42.685.060.693
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	7.706.440.955
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25.129.528.822
Phí nhận tái bảo hiểm	91.296.398.704
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	2.901.033.161
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	30.068.360.818
<u>Công ty Liên doanh TNHH bảo hiểm Samsung-Vina</u>	
Phí nhượng tái bảo hiểm	18.065.532.147
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	5.354.296.540
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	13.489.232.256
Phí nhận tái bảo hiểm	94.532.123.247
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	28.636.179.395
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	96.406.239.167
<u>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex</u>	
Phí nhượng tái bảo hiểm	44.995.559.364
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	9.201.406.184
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	26.708.373.134
Phí nhận tái bảo hiểm	143.510.741.541
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	24.294.063.872
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	61.783.754.004
<u>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện</u>	
Phí nhượng tái bảo hiểm	40.321.791.660
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	7.485.485.045
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	16.329.134.811
Phí nhận tái bảo hiểm	34.582.417.970
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	6.138.598.068
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	9.521.897.741
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>	
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm	3.331.515.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. SỔ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Sổ dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2010:

	<u>31/12/2010</u>
	VND
<u>Swiss Re</u>	
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	34.376.194.977
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	17.749.418.355
<u>Tổng Công ty Bảo Việt Việt Nam</u>	
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	53.200.525.169
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	24.760.789.499
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	18.774.860.288
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	10.021.557.578
<u>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</u>	
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	12.791.446.799
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	14.700.593.588
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	11.487.467.730
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	14.117.817.119
<u>Công ty Liên doanh TNHH Bảo hiểm Samsung-Vina</u>	
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	34.514.354.268
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	9.409.378.062
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	61.654.679.974
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	10.999.950.050
<u>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex</u>	
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	22.857.114.141
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	25.717.155.701
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	24.706.765.228
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	36.847.255.618
<u>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện</u>	
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	10.733.614.905
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	15.968.579.622
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	6.393.616.218
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	21.714.767.682

21. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26/12/2008 của liên Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về việc chính sách thuế đối với phí tái bảo hiểm ra nước ngoài, nếu các Công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì Công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 01/11/2005.

Kể từ ngày 01/01/2009, thuế nhà thầu được áp dụng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài được điều chỉnh tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2008 cũng quy định tỷ lệ thuế nhà thầu vẫn là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

MẪU SỐ B 09-DNBH

21. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)

Tuy nhiên, theo Công văn số 8667/BTC-TCT ngày 06/07/2010, đối với các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là đối tượng cư trú của nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ năm 2005 đến năm 2008 và trong thời hạn hiệu lực của Hiệp định.

Hiện tại, Tổng Công ty đã hoàn thiện bộ hồ sơ xin miễn thuế nhà thầu theo hướng dẫn tại công văn số 8667/BTC-TCT nói trên. Số thuế nhà thầu còn phải nộp cho giai đoạn 2005-2008 là 365.643.862 đồng đã được hạch toán vào chi phí kinh doanh năm 2010. Việc xác định số thuế phải nộp từ năm 2008 trở về trước của Tổng Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

Đối với thuế nhà thầu phát sinh trên chi phí nhượng tái ra nước ngoài của năm 2009 và 2010, Tổng Công ty mới tạm ghi nhận là một khoản dự phòng thuế phải trả do trong số các nhà thầu nước ngoài, đại đa số đều có cơ sở thường trú phát sinh thu nhập tại nước có ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam. Các nhà thầu này đang làm thủ tục để được miễn thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 60/2007/TT-BTC ngày 14/06/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế. Việc xác định số thuế phải nộp của năm 2009 và 2010 của Tổng Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế.

22. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2010
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	31,50
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	68,50
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	41,25
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	57,79
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	lần	2,42
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	2,73
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,77
2.4. Khả năng thanh toán nợ dài hạn	lần	-
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	32,88
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	28,18
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	%	7,47
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	%	6,40
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	11,08

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm tài chính 2010 là năm đầu tiên Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất, vì vậy, không có số liệu



Phạm Công Tú
Tổng Giám đốc

Lưu Thị Việt Hoa
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2011

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 (0)4 6288 3568
Fax: +84 (0)4 6288 5678

Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 11, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 (0)8 3910 0751
Fax: +84 (0)8 3910 0750